

CTCP Chứng khoán VPS

Ngày 31/12/2025	50,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0.8%	0.2%

DT thuần Q4/25
272
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0 52.1%
YoY: ▲ 127 87.7%

LN thuần Q4/25
125
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122 3721%
YoY: ▲ 120 2468%

LN sau thuế Q4/25
48.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.2 84.6%
YoY: ▲ 20.2 71.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1349%
YoY: +/-▼ 244%

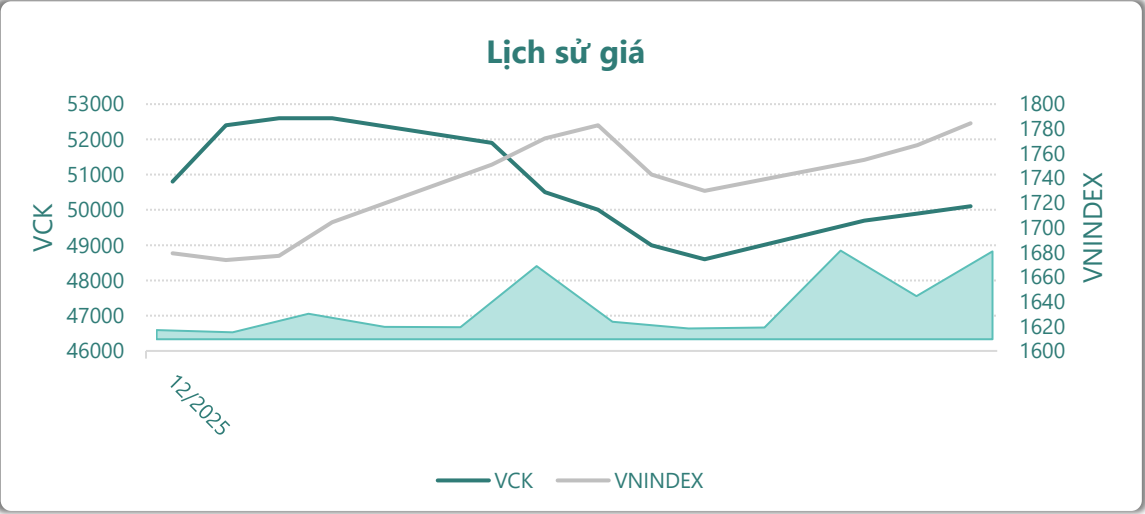
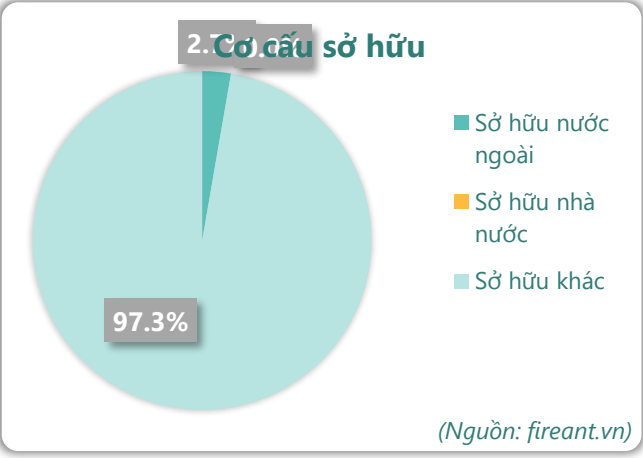
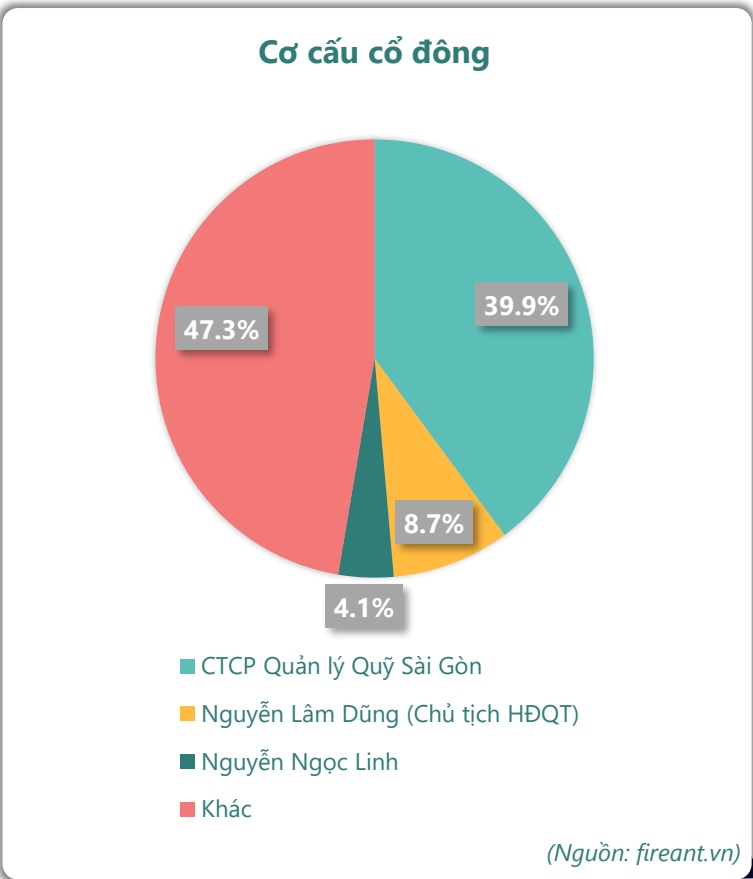
ROE 2025

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,600 - 52,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76,243
Số lượng CPLH (CP)	1,521,825,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,365,935
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.07
EPS	2,352
P/E	21.3

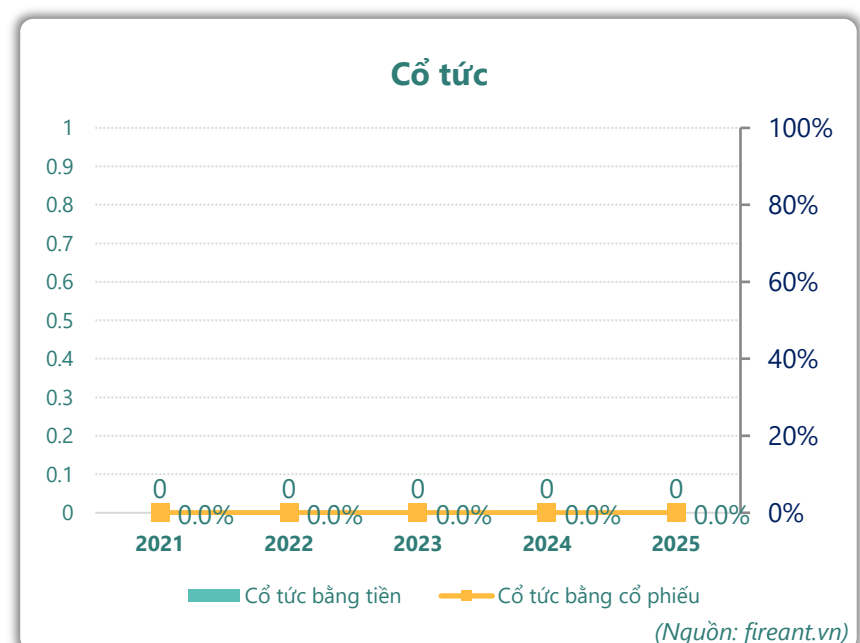
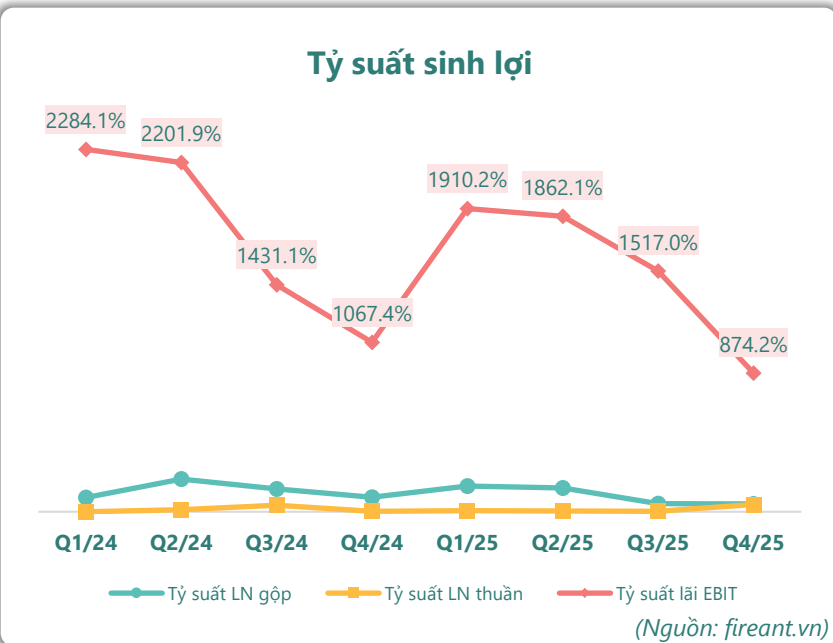
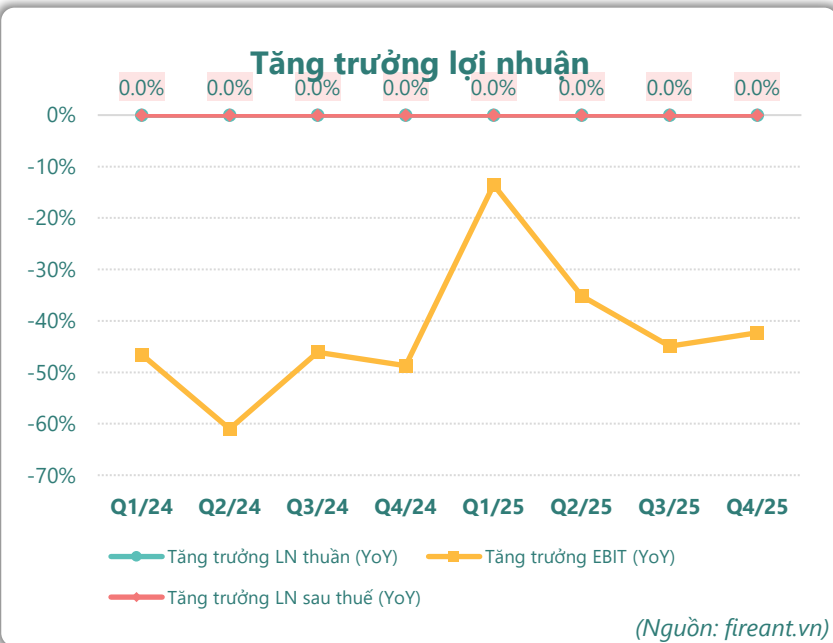
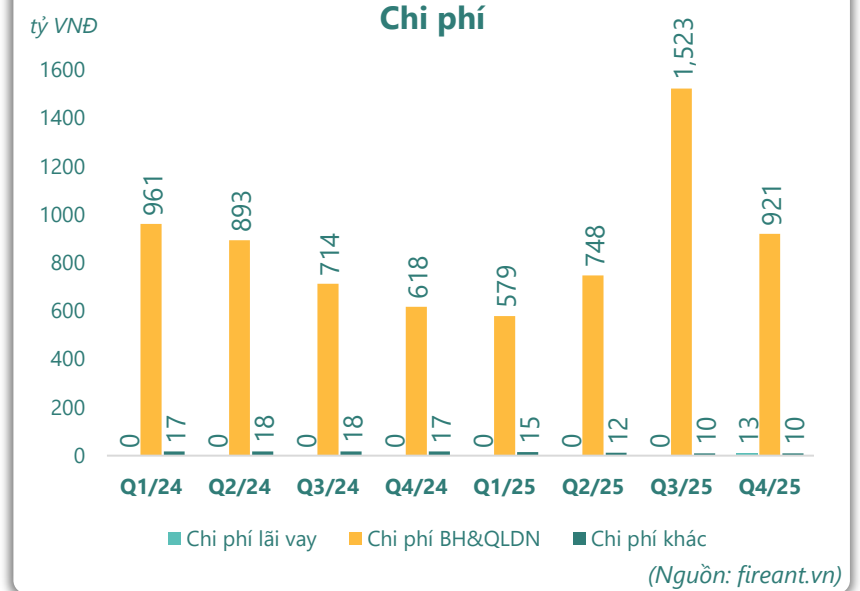
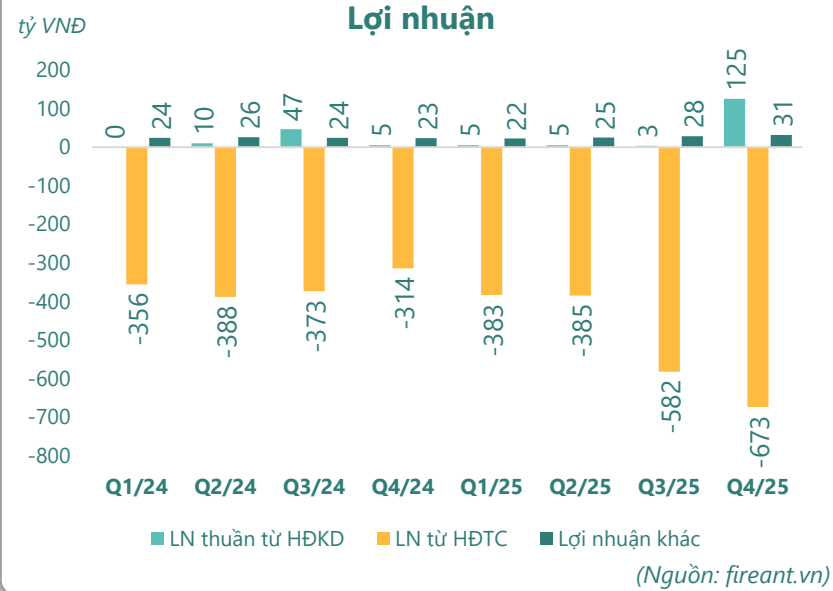
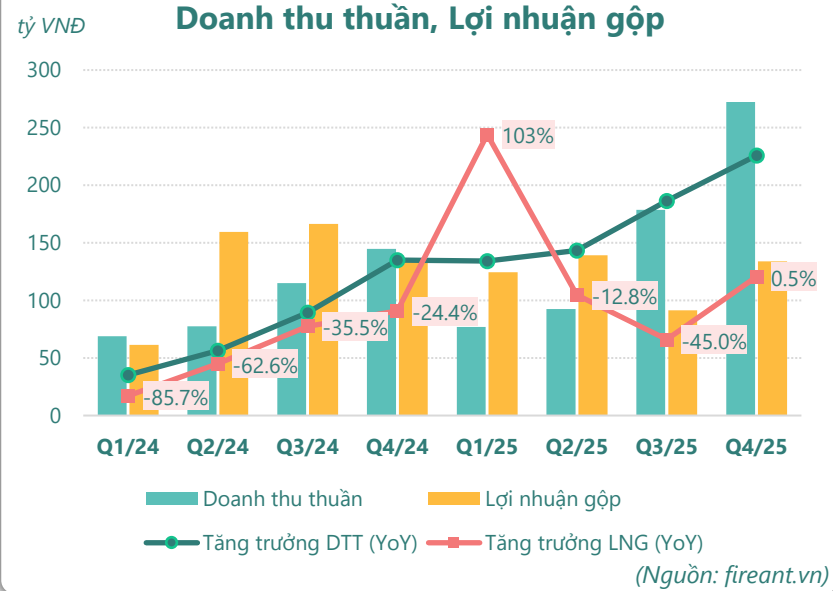
DT thuần 2025
613
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 207 51.1%

LN thuần 2025
139
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 77.8 127%

LN sau thuế 2025
82.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.7 83.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH



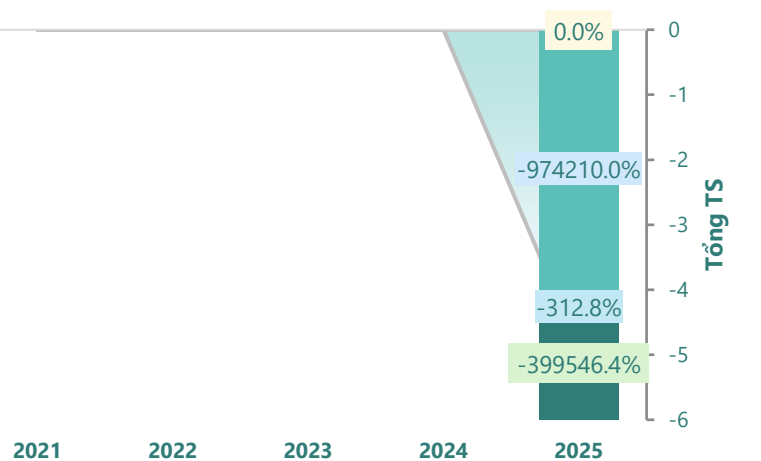


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

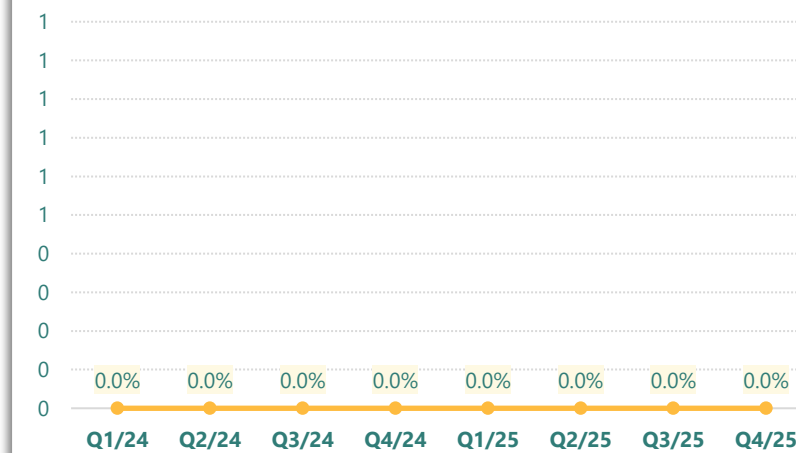
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%
-10%
-20%
-30%
-40%
-50%



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

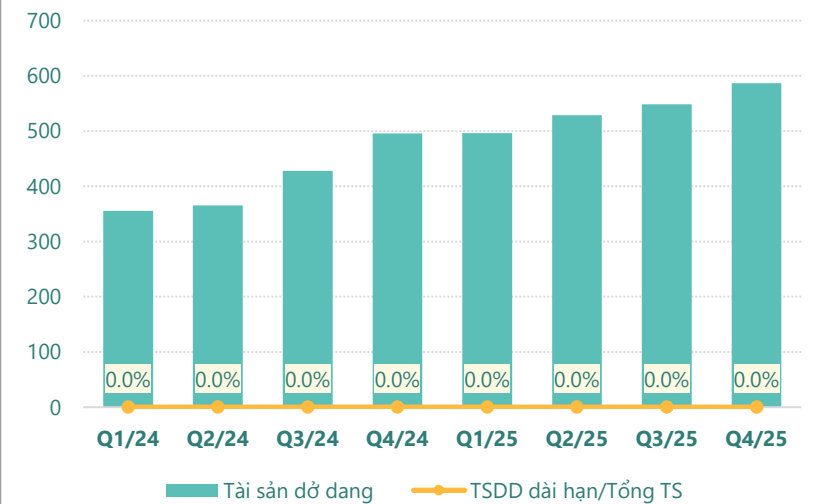
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

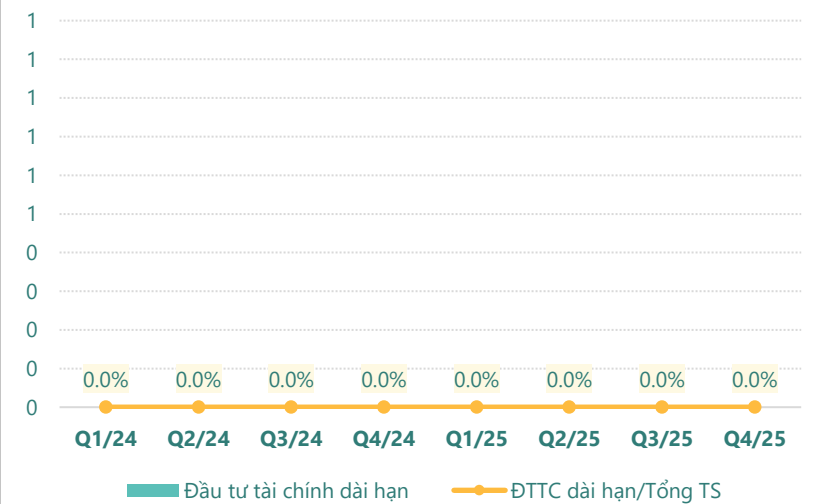
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

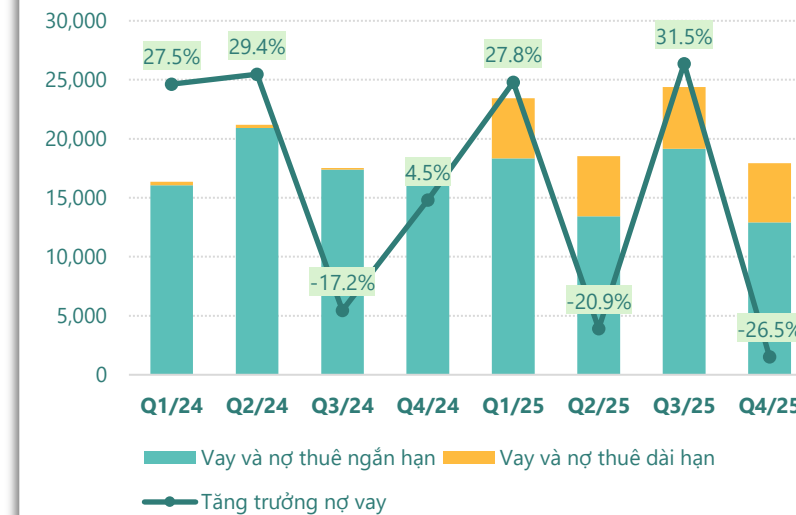
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

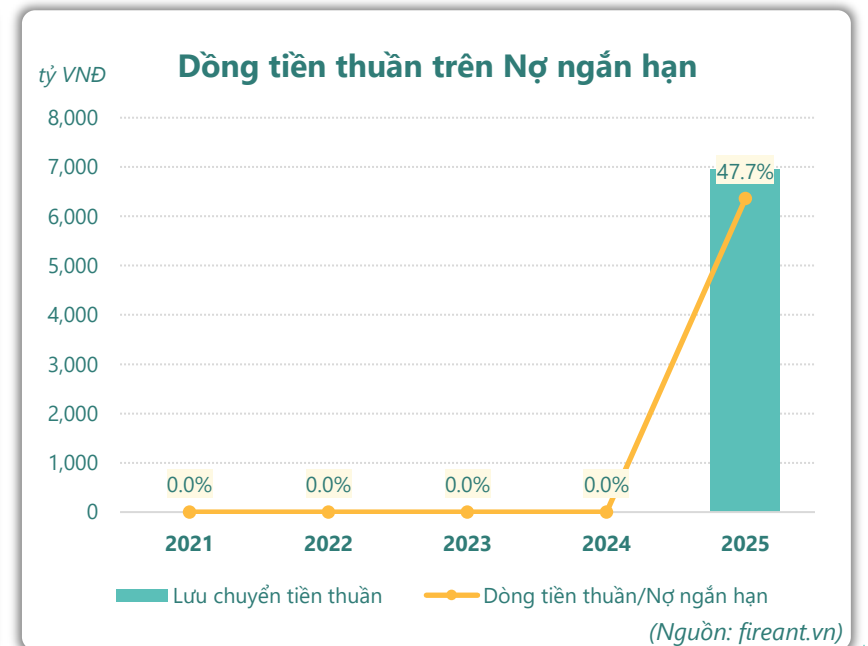
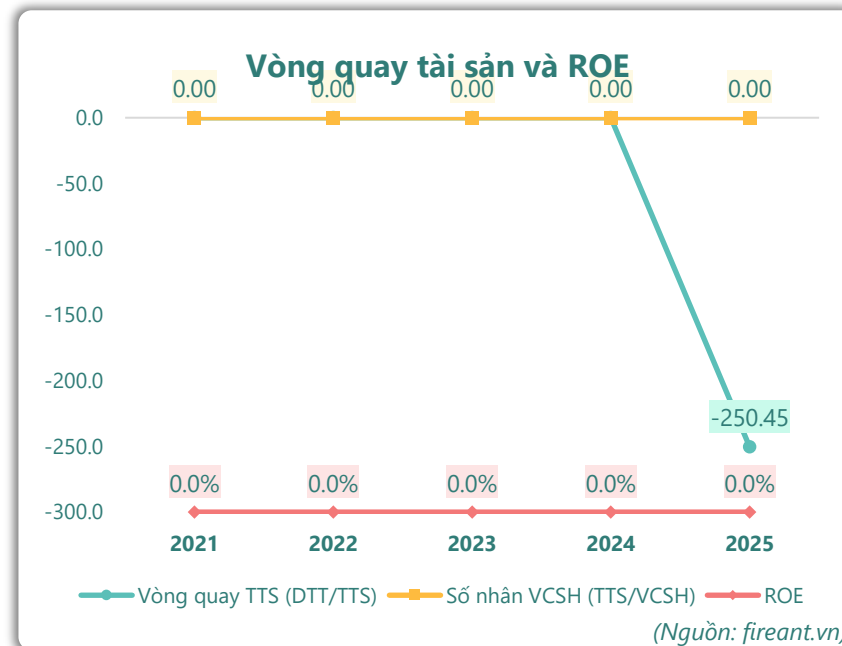
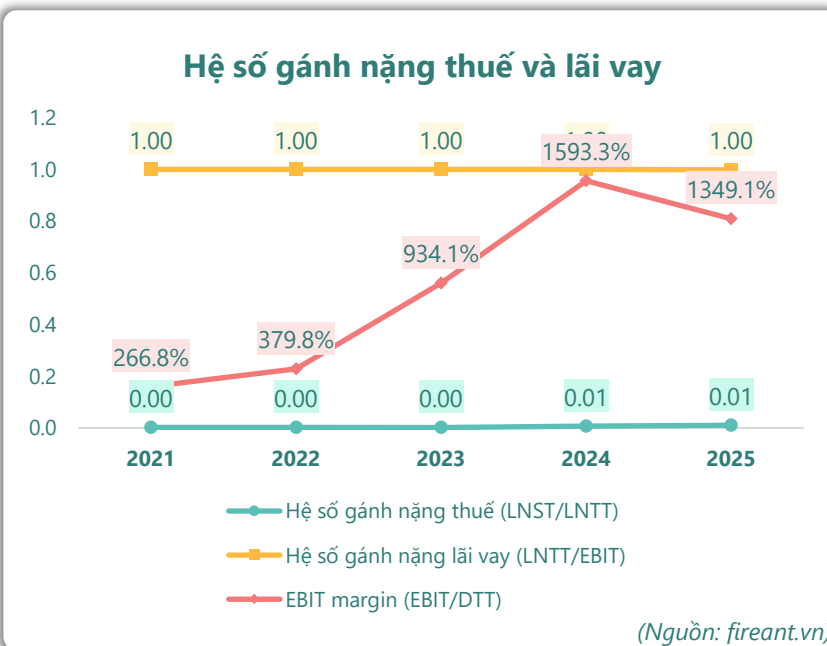
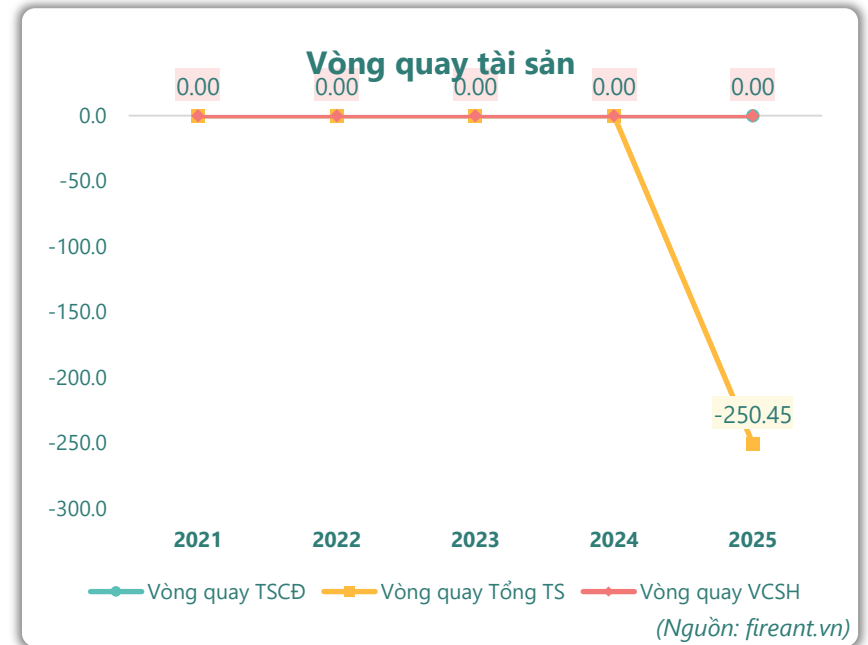
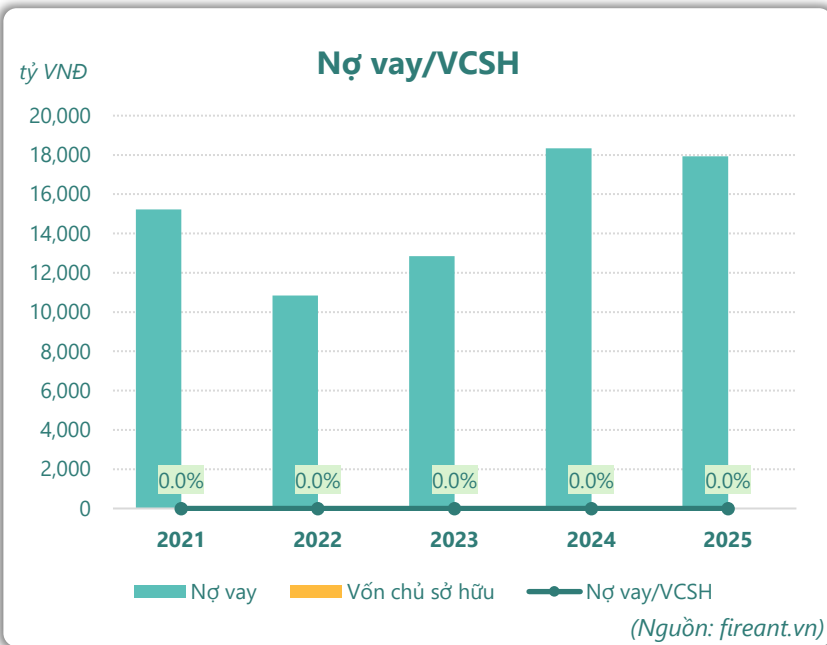
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	272	145	87.7%	613	406	51.1%
Giá vốn hàng bán	3.45	0.27	1177%	98.5	30.8	219%
Lợi nhuận gộp	134	133	0.7%	489	521	-6.0%
Doanh thu HĐTC	91.9	144	-36.2%	480	332	44.9%
Chi phí TC	765	458	67.1%	2,504	1,763	42.1%
Chi phí lãi vay	12.8	0.00		12.8	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	921	618	49.0%	3,770	3,187	18.3%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	125	4.88	2468%	139	61.2	127%
Lợi nhuận khác	31.4	23.1	36.1%	107	96.9	10.3%
LN trước thuế	2,367	1,544	53.3%	8,261	6,466	27.7%
Lợi nhuận sau thuế	48.4	28.2	71.5%	82.9	45.2	83.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-5,192	8,494	-2,292	-7,396
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-18.5	-63.9	-25.8	-80.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	5,102	-4,899	5,842	7,480
Tiền đầu kỳ	0	0	1,732	1,623	5,154	8,678
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	-109	3,531	3,524	2.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	1,623	5,154	8,678	8,681

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	47,773	29,824	60.2%
Tiền và tương đương tiền	47,755	29,797	60.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,166	1,100	279%
Phải thu ngắn hạn	4,969	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	15.3	19.0	-19.6%
Phải thu dài hạn	2.20	4.74	-53.4%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	587	496	18.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.69	3.40	96.8%
Lợi thế thương mại	10.2	10.2	0.2%
Nợ phải trả	19,567	19,005	3.0%
Nợ ngắn hạn	14,567	19,005	-23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12,924	18,329	-29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	5,000	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

